

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp
tại mỏ đất núi Văn Bàn, Thôn 4, xã Đức Chánh,
huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số 01/BTK-NKMT ngày 28/7/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung về việc đề nghị phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp (gọi tắt là VLSL) tại mỏ đất núi Văn Bàn, Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (kèm theo các hồ sơ liên quan).

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi Văn Bàn, Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi” (Trữ lượng tính đến ngày 26/6/2023);

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/05/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

I. Thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Khang Miền Trung.
- Địa chỉ: Thôn Lương Nông Bắc, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
- Số điện thoại: 0912914149.
- Người đại diện pháp luật: Ông Phạm Công Hiếu; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Mã số thuế: 4300807151.
- Loại khoáng sản: Đất làm vật liệu san lấp (*Mã nhóm loại tài nguyên III*).
- Vị trí (hành chính, địa lý) của khu vực xin cấp phép khai thác: Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

II. Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức sau:

$$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$$

Trong đó:

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính m³;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là trị giá đơn vị khoáng sản nguyên khai, sau khai thác, được xác định trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng;

K₁ - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác; mở áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên K₁= 0,9;

K₂ - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội; khu vực khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Mộ Đức nên không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn (*theo Phụ lục III – Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư*), nên K₂ = 1,0.

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là phần trăm (%): R = 3% (*theo Phụ lục I – Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì đất làm VLSL xếp vào Mục 2, Nhóm I - Các loại VLXD thông thường còn lại*).

Các thông số Q và G được xác định như sau:

1. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Q là trữ lượng khoáng sản đưa vào thiết kế khai thác: $Q = 211.373,6 \text{ m}^3$

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định:

$$G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = G_{\text{tn}} \times H_n$$

Trong đó:

- $G_{\text{tn}} = 49.000 \text{ đồng/m}^3$ (theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh).

- K_{qd} là hệ số quy đổi được xác định từ giá tính thuế tài nguyên (đơn vị tính là đồng/đơn vị sản phẩm tài nguyên) sang giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng);

Căn cứ quy định tại điểm a, Khoản 1, Mục IV, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP, thì hệ số K_{qd} đối với nhóm khoáng sản không kim loại được xác định $K_{\text{qd}} = H_n$; Với H_n là hệ số nở rời để chuyển đổi thể tích từ trạng thái tự nhiên (khoáng sản chưa khai thác trong lòng đất) sang trạng thái nguyên khai (khoáng sản nguyên khai) được xác định theo đặc tính cơ lý, của từng loại, khoáng sản được làm tròn đến số thập phân thứ ba.

Căn cứ theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất núi Văn Bàn, Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 27/7/2023, hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi, hệ số H_n có giá trị trung bình bằng hệ số quy đổi đối với đất làm VLSL được xác định là: $K_{\text{qd}} = H_n = 1,304$.

Vậy giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định như sau:

$$G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = G_{\text{tn}} \times H_n = 49.000 \times 1,304 = 63.896 \text{ đồng/m}^3$$

3. Kết quả xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước:

$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R = 211.373,6 \times 63.896 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\% = 364.660.044 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng).

4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp và số lần nộp:

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 9 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất làm VLSL tại mỏ đất núi Văn Bàn, Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi mà Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản

Nam Khang Miền Trung phải nộp một lần vào ngân sách Nhà nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh, với số tiền nộp một lần là 364.660.044 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng*).

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở TN&MT ;
- Công ty CPĐT BĐS Nam Khang Miền Trung;
- Lưu: VT, KS-TNN (np207).

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung